

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ, bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh để triển khai thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2024 (đợt 2)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 25 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách tỉnh năm 2024;

Xét Tờ trình số 3093/TTr-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết phân bổ, bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh để triển khai thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2024 (đợt 2); Báo cáo thẩm tra số 131/BC-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán số tiền là **20.292.354.624 đồng** (Hai mươi tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn, sáu trăm hai mươi bốn đồng) cho cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các đơn vị Trung ương

đóng trên địa bàn tỉnh để triển khai thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2024 (đợt 2).

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

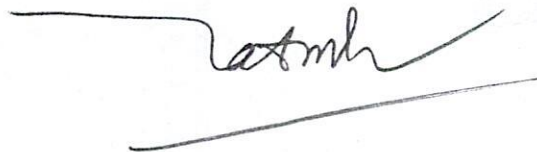
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 25 (chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 8 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác Đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT. (CTHĐ, 08) Nhân

67

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoài Anh

BIỂU: GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHO CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH TRONG
NĂM 2024 (đợt 2)

(Kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 27/8/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn kinh phí/Đơn vị (Theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh)	Phân bổ bổ sung đợt này (đợt 2)	Phân khai theo sự nghiệp		
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi thường xuyên khác
I	Kinh phí đào tạo học viên ngành quân sự cơ sở - Dòng 45 Phụ lục 05 NQ 64; Dòng 45 kèm theo QĐ 2587	3.022.471.422	3.022.471.422		
1	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	3.022.471.422	3.022.471.422		
II	Chi đào tạo sau đại học và chính sách đào tạo, thu hút chung của tỉnh - Dòng 46 Phụ lục 05 NQ 64	10.727.363.152	10.727.363.152		
1	Kinh phí đào tạo sau đại học	10.727.363.152	10.727.363.152		
1.1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	31.250.000	31.250.000		
1.2	Sở Y tế	10.634.408.152	10.634.408.152		
1.3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	61.705.000	61.705.000		
III	Chi nhiệm vụ của khối QLNN theo chỉ đạo của UBND tỉnh - Dòng 52 Phụ lục 05 NQ 64	745.673.000		745.673.000	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	745.673.000		745.673.000	
1.1	Kinh phí Đề án “Phát triển kinh tế ban đêm của tỉnh Bình Thuận đến năm 2020”	95.673.000		95.673.000	
1.2	Kinh phí xây dựng và thực hiện đánh giá bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố tỉnh Bình Thuận (DDCI)	650.000.000		650.000.000	
IV	Chi khác ngân sách (trong đó có kinh phí bồi thường trách nhiệm của Nhà nước, chi sửa chữa, mua xe ô tô, chi trả lãi vay...) - Dòng 59 Phụ lục 05 NQ 64	5.796.847.050			5.796.847.050
1	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	103.693.000			103.693.000
	Đảm bảo kinh phí cho Đoàn Bộ Ngoại giao	103.693.000			103.693.000
2	Công an tỉnh	4.897.000.000			4.897.000.000
	Kinh phí mua xe dẫn đoàn	4.897.000.000			4.897.000.000
3	Kinh phí phối hợp tuyên truyền biển đảo với Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 3	191.400.000			191.400.000
3.1	Báo Bình Thuận	95.400.000			95.400.000
3.2	Đài Phát Thanh – Truyền hình Bình Thuận	96.000.000			96.000.000
4	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh	104.754.050			104.754.050
5	Ban Chỉ đạo thu và chống thất thu ngân sách nhà nước tỉnh (thông qua Cục Thuế Bình Thuận)	500.000.000			500.000.000
TỔNG CỘNG		20.292.354.624	13.749.834.574	745.673.000	5.796.847.050